TÒA ÁNNHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:14/2018/HNGĐ-ST Ngày: 17/9/2018 *"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST-DS, ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 1992 "Có mặt"
ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh H
Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã V, huyện B

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 "Vắng mặt"
Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 9/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị La Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh H vào ngày 20/4/2010, trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q tại thôn C, xã T, huyện B để sinh sống, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không tu trí làm ăn, thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra thường xuyên, trong một thời gian dài và đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng quan hệ vợ chồng anh chị vẫn không được cải thiện.Do mâu thuẫn vợ chồng nên đến tháng 01/2017, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã V, huyện B để sinh sống từ đó cho đến nay, còn anh Q vẫn sống tại nhà anh Q, mỗi người sống một nơi không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh Nguyễn Văn Q xác nhận việc anh chị kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị T. Theo anh thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2017, nguyên nhân do chị T đi làm ăn xa không quan tâm gì đến chồng, con dẫn đến hai vợ chồng xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh nhất trí bởi tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, các cháu là Nguyễn Tùng L, sinh ngày 09/6/2010 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/7/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, giao cháu L cho anh Q nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ chị La Thị T, với đại diện UBND xã Tiên Kiều, với trưởng thôn C nơi chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào tháng 4/2010. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q thường xuyên uống rượu, không tu trí làm ăn dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên giữa năm 2017 chị T đã trở về nhà mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã V, huyện B để sinh sống, còn anh Q vẫn sống tại nhà, mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q đều là lao động tự do có mức thu nhập từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, cả hai anh chị đều chưa có nhà riêng mà sống nhờ nhà bố mẹ đẻ. Nếu anh chị ly hôn thì mỗi người nuôi một đứa con sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu tốt hơn.

Tòa án đã tiến hành hoà giải vào ngày 09/8/2018, ngày 14/8/2018 nhưng không thành. Do đó Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Q, về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu L cho anh Q nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị La Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 09/6/2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*Về thẩm quyền:*Nguyên đơn là chị La Thị T có đơn khởi kiện "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q, mà anh Nguyễn Văn Q cư trú tại thôn C, xã T, huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết củaToà án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không tu trí làm ăn dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến giữa năm 2017 chị T đã phải trở về nhà mẹ đẻ để sinh sống, anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết xin được ly hôn, còn anh Q cũng nhất trí ly hôn. Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương tổ chức hòa giải nhiều lần tại UBND xã nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị La Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

*[2.2] Về việc nuôi con:*Quá trình chung sống, chị La Thị T và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 09/6/2010 và cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/7/2014. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Tùng L nhưng anh Q không đưa cháu L đến lấy lời khai theo yêu cầu của Tòa án. Xét về điều kiện nuôi con của các bên thấy rằng: Cả hai anh chị đều là lao động tự do, có mức thu nhập từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng, chưa có nhà riêng mà ở nhờ nhà bố mẹ đẻ. Anh chị có 2 con chung và cùng có yêu cầu nuôi con, yêu cầu nuôi con của anh chị đều xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của các con. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, giao cháu L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 2 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị La Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con: Xử giao cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 09/6/2010 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/7/2014 cho chị La Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị La Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 03436, ngày 09/4/2018 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà

Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh **Nguyễn Thị Hồng Chuyên** **Đinh Thị Hồng**